

Xoá đói giảm nghèo ở tỉnh Quảng Bình - thực trạng và giải pháp / Trương Bảo Thanh ; Nghd. : TS. Phan Huy Đường

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Hiện nay, xoá đói giảm nghèo được mọi quốc gia trên thế giới coi như một yêu cầu, đòi hỏi bắt buộc về mặt đạo đức, xã hội, văn hoá, kinh tế chính trị. Bởi vì đói nghèo không những là lực cản lớn nhất của sự phát triển mà nó còn gây nên sự tàn phá ghê gớm về đạo đức tinh thần, làm thiếu an toàn xã hội, làm suy kiệt kinh tế và làm suy sụp về chính trị, phương hại đến an ninh.

Đối với Việt nam trong giai đoạn hiện nay, xoá đói giảm nghèo là một trọng trách lớn của toàn Đảng, toàn dân. Đảng, chính phủ, nhân dân Việt nam cùng nhiều tổ chức trong nước và quốc tế tại Việt nam đang cùng nhau tìm kiếm những giải pháp tiếp cận để giảm tỷ lệ nghèo đói, đặc biệt là ở các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng sâu, vùng xa.

Trong thời gian vừa qua, Đảng và nhà nước ta đã có nhiều biện pháp đẩy mạnh công tác xoá đói giảm nghèo, cùng với sự trợ giúp của các tổ chức trong nước và quốc tế trong hoạt động xoá đói giảm nghèo. Việt nam đã thu được những kết quả khả quan, tỷ lệ nghèo đói giảm mạnh từ 58 % năm 1993 xuống 37 % năm 1998. Số người sống dưới “ ngưỡng nghèo lương thực, thực phẩm” đã giảm từ 25 % xuống còn 15 % (theo ngưỡng nghèo năm 1993, đã có sự điều chỉnh về giá cả).

Thực tế trên cho thấy rằng, chính sách xoá đói giảm nghèo của Đảng và nhà nước có nhiều ưu việt. Song, việc triển khai thực hiện chính sách xoá đói giảm nghèo đến các vùng khó khăn vẫn còn nhiều lúng túng, bất cập và thiếu đồng bộ. Nhiều cán bộ còn yếu năng lực, thiếu kinh nghiệm và hiểu biết về tính ưu việt của chính sách nên một số cán bộ đã thiếu đi cách nhìn khách quan và

những kỹ năng tiếp cận với người nghèo, vùng nghèo, dẫn đến hiệu quả một số chương trình xoá đói giảm nghèo không cao.

Xuất phát từ tính cấp thiết của đề tài, tác giả lựa chọn nghiên cứu: “ Xoá đói giảm nghèo ở tỉnh Quảng Bình thực trạng và giải pháp” làm luận văn tốt nghiệp thạc sỹ kinh tế chuyên ngành kinh tế chính trị xã hội chủ nghĩa.

2. Tình hình nghiên cứu:

Xoá đói giảm nghèo là vấn đề các quốc gia đều quan tâm trong quá trình phát triển kinh tế. Đối với Việt nam cũng vậy, mục tiêu xoá đói giảm nghèo đã được đặt ra từ lâu, tuy nhiên để công tác xoá đói giảm nghèo mang lại hiệu quả đòi hỏi phải được nghiên cứu một cách nghiêm túc về thực trạng nghèo đói ở Việt nam trên cơ sở đó đề ra các biện pháp để thực hiện. Trong thời gian vừa qua cũng có khá nhiều bài viết nghiên cứu về vấn đề này đề cập đến nhiều khía cạnh như chuẩn nghèo đói, nguyên nhân gây ra nghèo đói, các kinh nghiệm tổng kết về công tác xoá đói giảm nghèo ở các địa phương trong cả nước. Tuy nhiên, các nghiên cứu về thực trạng đói nghèo và các biện pháp xoá đói giảm nghèo ở tỉnh Quảng Bình, các tác giả còn rất ít đề cập. Xuất phát từ yêu cầu bức xúc đó, tác giả mạnh dạn nghiên cứu đề tài trên nhằm góp phần vào việc đẩy mạnh công tác xoá đói giảm nghèo ở tỉnh Quảng Bình.

3. Mục đích nghiên cứu:

Làm rõ các nguyên nhân gây ra nghèo đói và thực trạng về nghèo đói ở tỉnh Quảng Bình từ đó đề ra các giải pháp nhằm xoá đói giảm nghèo ở tỉnh Quảng Bình.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Nghiên cứu thực trạng về nghèo đói ở Việt nam, đi sâu tìm hiểu thực trạng nghèo đói ở tỉnh Quảng Bình, các nguyên nhân sâu xa dẫn đến nghèo đói ở tỉnh Quảng Bình.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Đề tài vận dụng các phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê nin và các phương pháp nghiên cứu khoa học khác như tổng hợp, phân tích, thống kê, so sánh vv...

6. Đóng góp của đề tài:

- Phân tích rõ được về thực trạng nghèo đói ở tỉnh Quảng Bình.
- Phân tích làm rõ những nguyên nhân dẫn đến nghèo đói tại tỉnh Quảng Bình.
- Đưa ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác xoá đói, giảm nghèo ở tỉnh Quảng Bình.

7. Kết cấu của luận văn:

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn được chia làm 3 chương theo chi tiết dưới đây:

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐÓI NGHÈO VÀ XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở VIỆT NAM.

1.1. Khái luận về đói nghèo.

1.1.1. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, bất bình đẳng và vấn đề đói nghèo.

Phần này luận văn đề cập đến một số khái niệm, thước đo về mức tăng trưởng: GDP, GNP, HDI (tổng sản phẩm quốc nội, tổng sản phẩm quốc dân, chỉ số phát triển con người; thước đo mức độ bình đẳng trong phân phối thu nhập, dựa vào đường cong Lozen, hệ số Gini để đánh giá mức độ bình đẳng hay bất bình đẳng trong phân phối thu nhập. Hệ số Gini tốt thường xoay quanh mức 0,3.

Các quan điểm về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, bất bình đẳng và vấn đề đói nghèo.

Quan điểm của Simon Kuznets theo ông mối quan hệ giữa tăng tổng sản phẩm quốc dân bình quân trên đầu người và sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập có dạng hình chữ U ngược, nghĩa là ở những nước nghèo tỷ lệ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập thấp, khi nền kinh tế tăng trưởng cao hơn, bất bình đẳng tăng lên và đạt cực đại ở mức trung bình của thu nhập. Sau đó nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng nhưng tỷ lệ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập sẽ giảm xuống.

Quan điểm của A. Lewis theo ông thì tăng trưởng diễn ra trước, bình đẳng diễn ra sau, chỉ trên cơ sở tăng trưởng mới dẫn đến làm giảm bớt bất bình đẳng xã hội. Song sự bất bình đẳng không chỉ là kết quả của tăng trưởng mà còn là điều kiện cần thiết cho tăng trưởng kinh tế nhanh hơn. Nếu phân phối công bằng một cách vội vã sẽ bóp nghẹt sự tăng trưởng kinh tế.

Đối với quan điểm của Harry oshima, theo ông tăng trưởng kinh tế sẽ kéo theo vấn đề công bằng xã hội. Và khi công bằng xã hội đạt được ở mức độ nào đó lại là tiền đề để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hơn nữa.

Quan điểm của Các Mác về phân phối bất bình đẳng trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Theo Mác trong chủ nghĩa tư bản, tài sản tập trung trong tay một số người giàu, còn đại bộ phận dân cư chỉ có sức lao động. Vì thế việc phân phối theo tài sản chính là làm tăng tính bất bình đẳng trong phân phối thu nhập, đó là sự phân phối tạo nên kẻ bóc lột và người bị bóc lột. Từ đó Mác dự đoán hình thức phân phối công bằng hơn trong một xã hội mới – xã hội cộng sản chủ nghĩa. Với quan niệm này, nghèo khổ là hậu quả của sự bóc lột trong tăng trưởng kinh tế.

Quan điểm của Đảng và nhà nước Việt nam về giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội.

- Giai đoạn trước đổi mới (1986), thời kỳ này thực hiện việc phân phối theo kiểu bình quân, đây là sự công bằng trong nghèo khổ. Kết quả là, phân phối bình quân đã kìm hãm sự tăng trưởng và phát triển kinh tế đất nước.

- Giai đoạn từ năm 1986 đến nay, Đảng và nhà nước ta đã xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Đảng ta coi việc giải quyết mối quan hệ này là một trong những nội dung cơ bản đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã chỉ rõ : “... tăng trưởng kinh tế phải luôn gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ...”. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX quan điểm trên tiếp tục được khẳng định.

Những quan điểm của Đảng được thể hiện:

Tăng trưởng kinh tế phải luôn gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Tăng trưởng kinh tế đến đâu giải quyết vấn đề công bằng xã hội đến đó.

1.1.2. Tầm quan trọng của vấn đề xoá đói giảm nghèo đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững.

Nghèo đói đi liền với lạc hậu, chậm phát triển là trở ngại lớn đối với phát triển. Nói một cách khác xoá đói giảm nghèo là tiền đề của tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững. Ngược lại sự phát triển kinh tế xã hội vững chắc, gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội là nhân tố bảo đảm thành công công tác xoá đói giảm nghèo. Do vậy, xoá đói giảm nghèo có vai trò rất quan trọng đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững ở nước ta hiện nay.

1.1.3. Các khái niệm về nghèo đói.

Phần này đưa ra các khái niệm về nghèo đói: nghèo đói tương đối, nghèo đói tuyệt đối, đói, các nguyên nhân gây ra nghèo đói.

1.1.4. Một số phương pháp chủ yếu xác định về chuẩn nghèo đói hiện nay.

- Phương pháp xác định ngưỡng nghèo của các tổ chức quốc tế: phương pháp xác định ngưỡng nghèo của ngân hàng thế giới và tổ chức lao động quốc tế ILO đưa ra 2 ngưỡng nghèo: ngưỡng nghèo lương thực, thực phẩm và ngưỡng nghèo chung. Phương pháp xác định ngưỡng nghèo của tổ chức lao động quốc tế ILO vẫn dựa trên cách tính của ngân hàng thế giới nhưng đi sâu nghiên cứu rõ lương thực, thực phẩm đáp ứng đủ 2.100 Kcalo/người / ngày.

- Phương pháp xác định ngưỡng nghèo của các tổ chức trong nước (Bộ LĐTB & XH, TCTK). Phương pháp xác định ngưỡng nghèo của Bộ LĐTB & XH cũng dựa trên nhu cầu năng lượng tối thiểu 2.100 Kcalo/ người / ngày qui ra gạo ăn hàng tháng. Dựa trên mức thu nhập bình quân hàng tháng qui ra gạo. Phương pháp xác định của tổng cục thống kê về cơ bản dựa trên cách tính của (WB). Tổng cục thống kê chia đối tượng nghèo thành 2 khu vực thành thị và nông thôn.

Nhận xét ưu điểm và khiếm khuyết của từng phương pháp.

- Đối với phương pháp của WB và TCTK lấy số liệu về chi tiêu để xác định ngưỡng nghèo là hoàn toàn chính xác. Bởi người nghèo thường không có thu nhập ổn định. Do vậy, xác định bằng chi tiêu chính xác hơn là thu nhập vì trong bất kỳ trường hợp nào dù không có thu nhập người nghèo vẫn phải chi tiêu để duy trì sự sống. Tuy nhiên, trong rổ hàng hoá mà WB đưa ra có tới 40 mặt hàng lương thực, thực phẩm. Trong đó có nhiều mặt hàng có thể gọi là xa xỉ đối với người nghèo. Đối với phương pháp của ILO đề xuất là thích hợp hơn cả, phù hợp với thực tế của người nghèo, rổ lương thực gồm 75 % là lương thực, 25 % là thực phẩm gồm thịt lợn, dầu ăn.

- Đối với phương pháp của Bộ LĐTB & XH căn cứ vào thu nhập của người dân qui ra gạo ăn hàng tháng, do vậy đây là mức chuẩn nghèo đối tuyệt đối thấp hơn mức chuẩn của TCTK, WB.

1.2. Tác động của các chính sách xoá đói giảm nghèo của nhà nước Việt nam.

1.2.1. Tổng quan về nghèo đói ở Việt nam.

Phần này chia làm hai thời kỳ: giai đoạn trước đổi mới (1986) và từ năm 1986 đến nay.

Thời kỳ trước đổi mới: đặc điểm của thời kỳ này là nghèo đói dai dẳng và nghèo cấp độ lớn. Theo đánh giá của UNDP trước đổi mới (1986) trên 70 % dân số Việt Nam ở vào tình trạng nghèo đói.

Thời kỳ từ năm 1986 đến nay: đặc điểm của thời kỳ này là tăng trưởng kinh tế tương đối nhanh, đi cùng với phân hoá giàu nghèo và phân tầng xã hội. Tuy nhiên, nghèo đói trong nền kinh tế thị trường là nghèo đói trong tiến trình của sự phát triển. Trong thời gian hơn 10 năm dù tính theo cách nào thì tỷ lệ nghèo đói cũng giảm đáng kể. Thế giới cũng thừa nhận mặc dù nghèo đói vẫn ở tình trạng nghiêm trọng nhưng công cuộc đổi mới ở Việt Nam đã đưa nước này tiến đúng hướng trong nỗ lực xoá đói giảm nghèo; nói cách khác giảm nghèo đói ở nước ta là kết quả của quá trình đổi mới và phát triển.

1.2.2. Tác động của các chính sách nhà nước trong xoá đói giảm nghèo ở Việt nam.

- Về chủ trương chính sách.

Xoá đói giảm nghèo là vấn đề kinh tế xã hội, là trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, của mọi người dân và của chính người nghèo. Đây còn là vấn đề chiến lược, một chương trình lớn của quốc gia, phục vụ rất hữu ích cho CNH – HĐH, cho việc thực hiện mục tiêu “dân giàu nước mạnh xã hội công bằng dân chủ văn minh”. Nghị quyết đại hội VIII của Đảng đã xác định: “ xoá đói giảm nghèo là một trong những chương trình phát triển kinh tế – xã hội vừa cấp bách trước mắt, vừa cơ bản lâu dài...”

Với những quan điểm và chủ trương trong những năm qua, chính phủ đã cụ thể hoá bằng những chính sách, cơ chế, chương trình dự án vv ...

Như chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn, thuỷ lợi, giao thông, chương trình định canh, định cư, chương trình 327 phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Đặc biệt là chương trình mục tiêu quốc gia xoá đói giảm nghèo giai đoạn 1998 – 2000, 2001 – 2005.

Gồm các vấn đề:

+ Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng xã nghèo

+ Hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn, định canh, định cư, di dân kinh tế mới, hướng dẫn người nghèo cách làm ăn, hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ y tế, giáo dục cho người nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất, ngành nghề, đào tạo cán bộ làm công tác xoá đói giảm nghèo. Chương trình phát triển kinh tế đối với các xã đặc biệt khó khăn.

Đánh giá việc tổ chức thực hiện và kết quả đạt được trong công tác xoá đói giảm nghèo:

Bắt đầu từ thành phố Hồ Chí Minh triển khai công tác xoá đói giảm nghèo, sau đó lan rộng ra cả nước.

Sau hơn 10 năm triển khai công tác xoá đói giảm nghèo, đã đạt được những thành tựu trên các mặt: huy động vốn đạt 21.000 tỷ đồng, xây dựng cơ sở hạ tầng được trên 8.500 công trình cơ sở hạ tầng ở các xã đặc biệt khó khăn và

các mặt khác. Thành tựu về xoá đói giảm nghèo được biểu hiện cụ thể ở tỷ lệ giảm nghèo qua các năm.

Theo đánh giá của Bộ LĐTB & XH, tỷ lệ nghèo đói theo (chuẩn quốc gia) giảm từ 20,3 % vào cuối năm 1995 xuống 11 % vào năm 2000. Trung bình mỗi năm giảm được từ 30.000 hộ (tương đương 2% /năm).

CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

2.1. Tổng quan về đói nghèo ở Quảng Bình.

2.1.1. Những vấn đề tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình.

Quảng Bình có tổng diện tích 805.186 ha gồm 7 huyện, thị xã và 153 xã, phường. Các huyện gồm: Đồng Hới, Bố Trạch, Lệ Thuỷ, Minh Hoá, Quảng Ninh, Quảng Trạch, Tuyên Hoá, với tổng dân số khoảng trên 803.000 người trong đó người kinh chiếm 97,9 % tổng dân số của Tỉnh.

Khí hậu ở Quảng Bình thuộc khí hậu gió mùa, rất khắc nghiệt hay có bão lụt vào tháng 9, 10, 11. Đất đai, tài nguyên khoáng sản của Quảng Bình đa dạng nhưng trữ lượng ít, rất khó khăn cho việc khai thác qui mô lớn; tài nguyên rừng khá phong phú với độ che phủ cao, tài nguyên biển với vùng đặc quyền lãnh hải khoảng 20.000 Km².

Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình.

Tỷ lệ xã có đường ô tô đến xã 96,4 %

Tỷ lệ xã có đường ô tô đến thôn 89,4 %

Tỷ lệ xã có điện 86,9 %

Tỷ lệ xã có trường cấp I 100 %; tỷ lệ xã có trường cấp II 97,1 %

Tỷ lệ xã có trạm y tế 100 %

Trình độ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình: trong thời gian vừa qua, kinh tế Quảng Bình đã có bước chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực. Tuy nhiên, kinh tế của Quảng Bình vẫn mang nặng tính tự cấp tự túc, nhiều vấn đề

xã hội còn khó khăn. Đại bộ phận hơn 80 % lao động làm trong lĩnh vực nông nghiệp.

2.1.2. Thực trạng nghèo đói ở tỉnh Quảng Bình.

- *Đói nghèo ở Quảng Bình.*

Theo báo cáo của Bộ LĐTB & XH đã xác định tỷ lệ nghèo đói của tỉnh Quảng Bình năm 1996 là 46 %, là một trong 3 tỉnh có tỷ lệ nghèo đói cao nhất (sau Con Tum 54,4 %; Hoà Bình 55,7 %). Trong đó tỷ lệ nghèo đói chung của cả nước là 19,23 %.

Theo Bộ kế hoạch đầu tư dựa trên cách tiếp cận của Bộ LĐTB & XH đã xác định tỷ lệ nghèo đói năm 1997 chung cả nước là 17,79 %, riêng tỉnh Quảng Bình là 37,84 %; năm 1998 là 34,65 % và năm 1999 là 30,5 %. Tỉnh Quảng Bình được công nhận 36 xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, được chính phủ đầu tư thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo (chương trình 135). Dù các cơ quan chức năng đưa ra các tỷ lệ nghèo đói rất khác nhau đó là do tiêu thức đánh giá, phương pháp đánh giá khác nhau, nhưng nhìn chung các kết quả đánh giá thì tỷ lệ nghèo đói của Quảng Bình qua các năm đều thống nhất là có giảm nhưng vẫn còn ở mức cao. Vì vậy, xoá đói giảm nghèo của tỉnh Quảng Bình là một nhiệm vụ rất quan trọng và bức bách. Đói nghèo ở Quảng Bình do rất nhiều nguyên nhân, khách quan và chủ quan. Để xác định rõ nguyên nhân trên cơ sở đó tìm ra các giải pháp phù hợp góp phần thúc đẩy hoạt động xoá đói giảm nghèo của tỉnh. Trước hết cần phải tìm hiểu đặc điểm của nghèo đói của tỉnh Quảng Bình. Theo số liệu điều tra thực tế của nhóm nghiên cứu thuộc viện kinh tế nông nghiệp đánh giá có tới 90,74 % thuộc diện đói triền miên, 7,79% thuộc diện tái nghèo. Tình trạng nghề nghiệp trong tổng số 10.657 hộ điều tra phân theo 3 nhóm hộ: nhóm hộ nghèo, không nghèo, đói có tới 86,91 % là thuần nông. Như vậy thuần nông là nét cơ bản cho tình trạng nghèo đói của cả tỉnh. Huyện Tuyên Hoá nghèo nhất có tới 100% số người được điều tra là thuần nông. Qua phân tích số liệu phân theo nhóm ngành nghề cho thấy, thuần nông có tỷ lệ hộ nghèo đói cao nhất; nghề nông - lâm kết hợp tỷ lệ hộ nghèo đói vẫn cao điều đó cho thấy công tác khuyến nông,

khuyến lâm chưa đạt được hiệu quả. Người dân còn rất thiếu tri thức, kinh nghiệm trong việc kết hợp nông - lâm (vườn, ao, chuồng, rừng) tăng nguồn thu nhập giảm nghèo đói. Riêng nghề thuỷ sản và dịch vụ buôn bán nhỏ thì tỷ lệ hộ nghèo đói thấp nhưng số hộ làm nghề này chiếm tỷ lệ không cao.

Khi phân tích về trình độ văn hoá phân theo nhóm hộ nghèo, không nghèo và đói thấy rằng cấp học càng cao số lượng người đi học có xu hướng giảm dần ở nhóm hộ nghèo và hộ đói; ngược lại những hộ không nghèo thường nhận thức được rằng trình độ văn hoá thấp là nguyên nhân sâu xa của nghèo đói. Do vậy họ thường tạo điều kiện để cho con em họ học tiếp ở bậc cao hơn và họ cho rằng đó chính là món quà quý giá nhất mà cha mẹ dành cho con cái.

Nghiên cứu đặc điểm về nhân khẩu học, theo số liệu điều tra cho thấy tỷ lệ hộ nghèo đói thường có số nhân khẩu cao hơn hộ không nghèo. Và hộ nghèo thường rơi vào những hộ do chủ hộ là nữ.

Khi phân tích khả năng có được các nguồn lực, việc người nghèo tiếp cận với các nguồn lực gặp rất nhiều khó khăn, khó khăn về cơ chế, chính sách, khó khăn do tự bản thân người nghèo thiếu tự tin, thiếu tri thức kinh nghiệm. Do vậy cần phải có các giải pháp tháo gỡ vấn đề này, tạo nhiều cơ hội cho người nghèo tiếp cận với các nguồn lực.

Đặc điểm về tài sản, nhà ở, đời sống tinh thần:

Giá trị bình quân tài sản theo đầu người của người nghèo Quảng Bình thì rất thấp, phản ánh mức sống chung còn rất thấp, rất khó để người nghèo có thể tiếp cận được với những tài sản đắt tiền như xe máy, hay các phương tiện đắt tiền khác. Khi phân tích về chi tiêu của các hộ gia đình thấy rằng, các hộ đói chi tiêu cho giáo dục chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng chi tiêu chiếm 22,78 %. Điều này cho thấy, người nghèo đói thường đông con, do đó phải chi phí quá nhiều cho việc học tập của con cái và phải cắt giảm các khoản chi tiêu khác thậm chí cả khẩu phần ăn. Tỷ lệ chi tiêu cho mặt đời sống, văn hoá tinh thần hộ đói chiếm 0,38 % tổng chi tiêu. Ngoài ra chi tiêu cho y tế cũng chiếm tỷ lệ khá cao trong tổng chi tiêu.

Về bữa ăn hàng ngày của người nghèo đói. Theo số liệu cho thấy cả 3 nhóm hộ số bữa ăn hàng ngày đều bị cắt giảm không đủ 3 bữa ăn một ngày; đặc biệt là hộ đói % số bữa không ăn là 43,2 %. Đó là chưa tính đến hàm lượng dinh dưỡng trong một bữa ăn có đủ cung cấp 2.100 Kcalo người/ ngày hay không. Theo kết quả điều tra bữa ăn của các hộ gia đình của WB, tính bình quân mỗi ngày chỉ đảm bảo 1.944 Kcalo người / ngày, trong đó chủ yếu là lương thực gồm: ngô, khoai, sắn, gạo chiếm 82 % còn lại là thực phẩm khác. Đây sẽ là nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động, không có khả năng tái sản xuất sức lao động. Qua phân tích về chu kỳ thiếu ăn thấy rằng người nghèo đặc biệt là phụ nữ và trẻ em rất dễ bị tổn thương. Nguy cơ tổn thương do đột biến xảy ra như mất mùa, hạn hán, lụt lội, trong gia đình có người ốm đau bệnh tật vv... bình thường không có đột biến người dân đã bị đói không đủ ăn, khi gặp đột biến xảy ra tình trạng đói càng trở lên trầm trọng hơn. Trẻ em không những không được ăn đủ bữa mà còn phải nghỉ học để làm thêm giúp đỡ cha mẹ. Dẫn đến các em bị thất học mù chữ, tương lai các em bị mờ mịt. Do vậy cần phải có chính sách hỗ trợ người nghèo đặc biệt là phụ nữ và trẻ em trong những lúc khó khăn hoạn nạn, thời kỳ giáp hạt đói kém giúp họ vượt qua khó khăn vươn lên thoát nghèo.

Để làm rõ thêm các nguyên nhân dẫn đến nghèo đói ở tỉnh Quảng Bình cần đi sâu phân tích từng nguyên nhân dẫn đến nghèo đói trên cơ sở đó đề ra các giải pháp giúp các hộ nghèo, vùng nghèo thoát nghèo. Khi phân tích các đặc điểm nghèo đói ở tỉnh Quảng Bình theo từng vùng sinh thái thấy rằng, nghèo đói ở Quảng Bình có những nét tương đồng đối với các vùng nghèo đói tương tự trong cả nước. Tuy nhiên, đói nghèo ở Quảng Bình tựu chung lại phần lớn là do điều kiện phát triển kinh tế còn thấp kém, khó khăn, tình trạng rủi ro trong sản xuất còn rất lớn; mặt khác đói nghèo do những nguyên nhân khách quan, chủ quan khác như: địa lý sinh thái không thuận lợi, thời tiết khắc nghiệt vv... nổi trội hơn cả đối với hộ nghèo đói là đông con, trình độ văn hoá, dân trí thấp. Đặc biệt là dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa vẫn còn nhiều hủ

tục lạc hậu. Đói nghèo còn do sản xuất thuần nông, canh tác nông nghiệp theo kiểu truyền thống.

Theo số liệu điều tra phỏng vấn các hộ nghèo đói về các nguyên nhân của nghèo đói theo từng vùng sinh thái (vùng đồi, đồng bằng, vùng biển, vùng núi) trong tổng số 9 nguyên nhân nổi bật lên là nguyên nhân thiếu vốn sản xuất, kế tiếp là điều kiện sản xuất khó khăn, thiếu phương tiện sản xuất, không có kinh nghiệm sản xuất, ít đất sản xuất, đông con, thiếu lao động, không có ai thuê làm, nguyên nhân khác. Trong các nguyên nhân trên, nguyên nhân thiếu vốn sản xuất thì các hộ điều tra của cả 4 vùng sinh thái đều được đặt lên hàng đầu, tiếp theo là điều kiện sản xuất khó khăn, riêng vùng biển đặt nguyên nhân này thứ 3 và cho nguyên nhân thiếu phương tiện sản xuất lên thứ 2. Điều này cũng hoàn toàn đúng với thực tế bởi vùng biển hầu hết người dân sống bằng nghề đánh bắt cá do vậy đòi hỏi phải có tàu thuyền, ngư lưới cụ phục vụ sản xuất vv...

2.2. Hoat động xoá đói giảm nghèo ở tỉnh Quảng Bình.

2.2.1. Các hình thức xoá đói giảm nghèo ở Quảng Bình.

Cũng như các địa phương khác, hơn 10 năm qua mảnh đất nghèo khó Quảng Bình đã rất chú trọng đến công tác xoá đói giảm nghèo. Đảng bộ, chính quyền tỉnh Quảng Bình đã xác định phát triển kinh tế đồng nghĩa với xoá đói giảm nghèo và đặt thành nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của các cấp uỷ Đảng, chính quyền của các địa phương. Để thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo, UBND tỉnh đã ra quyết định thành lập các ban xoá đói giảm nghèo từ cấp tỉnh đến cấp huyện xã với nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng chương trình, tổ chức hướng dẫn và vận động quần chúng hưởng ứng phong trào xoá đói giảm nghèo.

Tính đến năm 2000 thì hầu hết các xã, phường, thị trấn đều đã có chương trình xoá đói giảm nghèo. Các cơ quan chuyên môn đã tổ chức được nhiều lớp tập huấn về công tác xoá đói giảm nghèo, khuyến nông, khuyến lâm vv...

Đặc biệt là chương trình hỗ trợ người nghèo, vùng nghèo thông qua chương trình 135 của chính phủ, tỉnh Quảng Bình đã triển khai kế hoạch phân bổ

nguồn vốn hỗ trợ xuống cho 18 xã đặc biệt khó khăn thuộc diện được hỗ trợ. Về hỗ trợ vật chất đột xuất cho người nghèo những lúc khó khăn. Do người nghèo thường rơi vào khủng hoảng trong những lúc giáp hạt, gặp thiên tai lũ lụt, hạn hán, mùa màng thất bát vv... do vậy cần phải có sự trợ giúp từ phía nhà nước, tổ chức xã hội, đoàn thể, người thân trong gia đình để giúp họ vượt qua khó khăn hoạn nạn. Theo số liệu điều tra thấy rằng, các nguồn hỗ trợ này chủ yếu là do con cháu trong gia đình chiếm trên 50 %, ngoài ra là nguồn hỗ trợ của trung ương, tỉnh và các tổ chức đoàn thể khác.

Hoạt động hỗ trợ của ngân hàng phục vụ người nghèo và các tổ chức đoàn thể khác. Hoạt động của ngân hàng phục vụ người nghèo: từ khi có quyết định 525 TTg của chính phủ NHPVNN Quảng Bình đã ra đời thực hiện mục tiêu chính sách xoá đói giảm nghèo, không vì mục đích lợi nhuận. Sau 6 năm hoạt động kể từ khi bắt đầu thành lập với số vốn 4,9 tỷ đồng. Nay NHPVNN Quảng Bình đã có trên 140 tỷ đồng. Tính đến hết năm 2001, vốn của Ngân hàng người nghèo đã đến 150 xã, phường với số vốn đã giải ngân trên 200 tỷ đồng với hơn 102.000 lượt hộ nghèo được vay vốn, đưa dư nợ cuối năm 2001 lên 135 tỷ đồng. Hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân Quảng Bình vừa qua cũng đóng góp một phần không nhỏ vào công tác xoá đói giảm nghèo của tỉnh. Mặc dù thị phần tín dụng của các quỹ chỉ chiếm 7- 8 % trong tổng nguồn vốn vay. Với phong trào “phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình” hội phụ nữ tỉnh Quảng Bình đã huy động được số tiền đạt 12 tỷ 575 triệu đồng để cho 19.591 lượt chị em phụ nữ vay rải đều khắp trong 81 xã trong toàn tỉnh.

2.2.2. Đánh giá những kết quả đạt được và các vấn đề đặt ra trong công tác xoá đói giảm nghèo ở Quảng Bình.

Những kết quả đạt được:

- Về nhận thức đói nghèo và vấn đề xã hội hoá công tác xoá đói giảm nghèo. Sau hơn 10 năm, tỉnh Quảng Bình đã rất chú trọng tới công tác xoá đói giảm nghèo. Đảng bộ, chính quyền của tỉnh Quảng Bình đã đặt thành nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của các cấp uỷ Đảng, chính quyền của các địa phương. Với nhiều chính sách hợp với lòng dân đã đi vào cuộc sống, được mọi

người dân tích cực hưởng ứng tham gia phong trào xoá đói giảm nghèo. Điều đó cho thấy rằng xoá đói giảm nghèo không chỉ ở bản thân người nghèo mà của cả cộng đồng, của toàn xã hội. Công tác xoá đói giảm nghèo ở Quảng Bình đã được xã hội hoá cao.

- Vấn đề tạo lập vốn: Trong hơn 10 năm qua, tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội ước khoảng 4.500 tỷ đồng, phần lớn nguồn vốn ấy tập trung cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nguồn vốn huy động được từ nguồn ngân sách TW thông qua chương trình 135 và các chương trình khác thông qua các dự án của các tổ chức trong nước và quốc tế. Về công tác giải ngân và hiệu quả sử dụng đồng vốn vay. Kể từ khi chính phủ ban hành quyết định 67/1999/QĐ - TTg ngày 30/3/1999 về một số chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND tỉnh đã ra chỉ thị số 40/CT – UB chỉ đạo triển khai thực hiện rộng rãi trong tỉnh thì những vướng mắc trở ngại do thiếu đồng bộ về: “thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay” được tháo gỡ dần. Đến năm 2001, dư nợ của các ngân hàng và tổ chức tín dụng lên tới 500 tỷ đồng, trong đó dư nợ của các ngân hàng 430 tỷ đồng, các quỹ tín dụng 70 tỷ. Có 128.000 hộ vay vốn dư nợ tăng gấp 2,7 lần cuối năm 1998 chiếm 79 % tổng số hộ nông, ngư nghiệp; riêng hộ nghèo dư nợ vay 135 tỷ đồng với 65.000 hộ.

Về hiệu quả sử dụng đồng vốn và hiệu quả của các dự án. Qua đợt khảo sát của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, tính đến cuối năm 2001 cho thấy, những vùng vay vốn tăng nhanh đã chuyển dịch cây con, ngành nghề có hiệu quả rõ rệt. Hiệu quả của dự án ARCD theo đánh giá của các chuyên gia tính đến tháng 5/2002 hầu hết các mục tiêu của dự án đã được thực hiện một cách có hiệu quả như: nâng cấp và đầu tư xây dựng mới các công trình thuỷ lợi, giao thông, phát triển nông nghiệp, thuỷ sản, cố định cát và tín dụng tiết kiệm vv...

Kết quả cụ thể của hoạt động xoá đói giảm nghèo của tỉnh trong thời gian qua thể hiện qua chỉ số về tỷ lệ giảm nghèo của tỉnh qua các năm, cơ sở hạ tầng nông thôn được cải thiện, đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt.

Cụ thể tỷ lệ nghèo đói từ hơn 50 % dân số năm 1991 giảm xuống còn 25,05 % vào năm 2001 tương đương với 43.293 hộ nghèo đói. Tuy nhiên, đói nghèo ở Quảng Bình vẫn đang là vấn đề bức xúc. Hiện Quảng Bình có 59 xã được công nhận là xã miền núi và rẻo cao, trong đó có 36 xã thuộc diện đặc biệt khó khăn. Ngoài ra dọc bờ biển có thêm 18 xã thuộc vùng bãi ngang thuộc diện nghèo nhất tỉnh. Hàng năm, dân thiếu đói từ 4 đến 5 tháng; 69 % trẻ em ở vùng này trong tình trạng suy dinh dưỡng. Trên 15 % dân số miền núi đang mù chữ. Do vậy đói nghèo ở Quảng Bình đang đặt ra đối với các cơ quan chức năng, ban ngành đoàn thể và bản thân người nghèo phối hợp thực hiện đồng bộ các chính sách xoá đói giảm nghèo, thực hiện tốt các mục tiêu xoá đói giảm nghèo của tỉnh đã đề ra.

Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục giải quyết trong công tác xoá đói giảm nghèo ở Quảng Bình.

Trong quá trình phân tích cơ cấu ngành nghề sản xuất và tỷ trọng cơ cấu trong GDP của tỉnh Quảng Bình thấy rằng những hộ nghèo hay nông dân ở Quảng Bình vẫn sản xuất canh tác theo phương thức truyền thống, thuần nông mang tính tự cấp, tự túc là chính không mang tính sản xuất hàng hoá, kinh tế thị trường. Cách sản xuất vẫn mang nặng tính tiểu nông manh mún của nông dân Quảng Bình.

Theo như thống kê Quảng Bình có tới 36 xã thuộc vùng núi và rẻo cao thuộc diện đặc biệt khó khăn, 15 % dân số miền núi mù chữ điều đó cho thấy việc tiếp cận với người nghèo theo hướng giúp đỡ cách làm ăn, sản xuất, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm làm kinh tế là rất quan trọng. Tuy nhiên trong thời gian vừa qua các hoạt động này còn rất nhiều hạn chế. Mặt khác các chương trình dự án xoá đói giảm nghèo của các xã, phường chất lượng chưa cao, thực hiện chưa tốt.

Quảng Bình là nơi không được sự ưu ái về thiên nhiên lụt lội, hạn hán, chiến tranh đã tàn phá rất nặng nề gây thiệt hại cho người nghèo không những tiền của trực tiếp mà còn kéo theo những khó khăn trong điều kiện sản xuất như hệ thống tưới tiêu bị phá huỷ, hỏng hóc, đất đai bạc màu vv...

Tóm lại, Quảng Bình là một trong số các địa phương được Đảng và Nhà nước quan tâm ưu tiên các nguồn tài chính khác nhau để hỗ trợ xoá đói giảm nghèo. Đảng, chính quyền tỉnh Quảng Bình đã tích cực triển khai nhiều chủ trương chính sách nhằm thực hiện có hiệu quả quá trình xoá đói giảm nghèo. Tuy nhiên, hiệu quả xoá đói giảm nghèo chưa cao, tốc độ giảm nghèo còn chậm so với các địa phương trong cả nước.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM ĐẨY MẠNH

HOẠT ĐỘNG XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

3.1. Định hướng, mục tiêu xoá đói giảm nghèo ở Quảng Bình.

3.1.1. Những quan điểm về xoá đói giảm nghèo của Đảng và nhà nước ta.

- *Quan điểm 1*: xoá đói giảm nghèo là nhiệm vụ to lớn của toàn Đảng, Nhà nước và của toàn xã hội.
- *Quan điểm 2*: xoá đói giảm nghèo bằng phát huy tính tự lực, tự chủ vươn lên của chính người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo.
- *Quan điểm 3*: Huy động và khai thác hiệu quả mọi nguồn lực trong xã hội để xoá đói giảm nghèo.
- *Quan điểm 4*: mở rộng và khai thác hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài cho xoá đói giảm nghèo.
- *Quan điểm 5*: cần khuyến khích mọi người làm giàu, đồng thời ưu tiên xoá đói giảm nghèo ở các đối tượng chính sách và các vùng đặc biệt.
- *Quan điểm 6*: việc hỗ trợ và cho vay vốn hộ nghèo phải đi liền với công tác tư vấn, hướng dẫn sử dụng vốn vay có hiệu quả, căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của từng hộ gia đình.

3.1.2. Mục tiêu tổng quát của chương trình quốc gia về xoá đói giảm nghèo.

- Phấn đấu đến năm 2005, không để tái đói kinh niên, giảm còn khoảng dưới 10 % số hộ thuộc diện nghèo theo chuẩn nghèo mới.

3.1.3. Mục tiêu cụ thể về xoá đói giảm nghèo của tỉnh Quảng Bình.

Đến năm 2005, cơ bản không còn hộ đói, giảm hộ nghèo bình quân 4 - 5 %/năm.

3.2. Những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xoá đói giảm nghèo ở tỉnh Quảng Bình.

3.2.1. Phát triển nông nghiệp và nông thôn.

- Về công tác qui hoạch và định hướng phát triển cho từng vùng và tiểu vùng sinh thái.

- Các biện pháp tăng năng suất đất canh tác nông nghiệp.

- Đa dạng hoá thu nhập ở nông thôn thông qua việc đa dạng hoá các ngành nghề phi nông nghiệp (làng nghề truyền thống; phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản), tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho nông dân, tăng thu nhập chú trọng phát huy lợi thế của từng vùng, tiểu vùng.

Vấn đề cung cấp vốn cho các hoạt động sản xuất thông qua thị trường tín dụng nông thôn.

Thúc đẩy tăng trưởng khu vực công nghiệp và dịch vụ ở thành thị tạo ra nhiều việc làm mới.

- Về xây dựng kết cấu hạ tầng:

Tăng cường nguồn lực đầu tư cho cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đặc biệt là các xã nghèo, vùng nghèo khu vực miền núi vùng sâu, vùng xa đồng bào dân tộc thiểu số như cầu, đường sá, trường học, điện, nước sạch.

3.2.2. Phát triển con người và xã hội thông qua phát triển các dịch vụ xã hội và mạng lưới bảo trợ xã hội cho người nghèo.

- Coi trọng sự nghiệp phát triển giáo dục.

- Tạo ra sự công bằng trong giáo dục và các chương trình chính sách ưu tiên về dịch vụ giáo dục cho người nghèo, nâng cao khả năng tiếp cận của người nghèo tới vấn đề giáo dục.

- Tăng cường chất lượng hệ thống dịch vụ Y tế phục vụ cho người nghèo.

- Thực hiện tốt chương trình phát triển dân số và kế hoạch hoá gia đình, giảm tốc độ tăng dân số của tỉnh.

3.2.3. Một vài giải pháp về quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước trong xoá đói giảm nghèo ở Quảng Bình.

- Hoàn thiện môi trường pháp lý thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động đạt hiệu quả cao. Bao gồm hoàn thiện các điều luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả của các chính sách trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính cho người nghèo, thông qua các kênh như: quỹ tín dụng địa phương, ngân hàng người nghèo để người nông dân dễ tiếp cận với nguồn vốn.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại và có hiệu quả.

- Thúc đẩy quá trình hình thành đồng bộ hệ thống thị trường kể cả thị trường các yếu tố sản xuất và thị trường hàng tiêu dùng, đặc biệt là thị trường đầu ra đối với hàng nông sản, thương mại hoá nông nghiệp nông thôn, hỗ trợ nông dân về thông tin, thị trường vv...

- Xây dựng các chính sách ưu đãi đầu tư hơn nữa cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, thu hút các nguồn vốn trong nước, quốc tế trong hoạt động xoá đói giảm nghèo.

KẾT LUẬN

Hơn 10 năm qua, thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và chính phủ về công tác xoá đói giảm nghèo, Đảng, chính quyền, nhân dân tỉnh Quảng Bình đã rất quan tâm chú trọng đến công tác xoá đói giảm nghèo. Bởi vì thực hiện thành công các mục tiêu xoá đói giảm nghèo cũng chính là thực hiện tốt các mục tiêu về phát triển kinh tế bền vững. Trong thời gian qua, bộ mặt nông thôn của Quảng Bình đã có nhiều khởi sắc. Tuy vậy nhưng khó khăn vẫn đang chồng chất ở phía trước. Hiện tại Quảng Bình có 36 xã đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 135 của chính phủ, ngoài ra có thêm 18 xã thuộc vùng bãi ngang thuộc diện nghèo nhất tỉnh. Qua nghiên cứu thực trạng nghèo đói của tỉnh Quảng Bình, tìm ra các nguyên nhân dẫn đến nghèo đói, trong đó nổi bật lên là nghèo đói tập trung ở các nhóm hộ đông con, văn hoá, trình độ dân trí thấp, đặc biệt ở Quảng Bình là điều kiện sản xuất khó khăn, tình trạng rủi ro trong sản xuất còn lớn (do thiên nhiên thời tiết khắc nghiệt). Qua nghiên cứu công tác xoá đói giảm nghèo ở tỉnh Quảng Bình, những nỗ lực từ phía trung ương và tỉnh Quảng Bình, bên cạnh những thành quả đạt được trong thời gian qua, vẫn còn nhiều vấn đề bức xúc cần giải quyết. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng đói nghèo và công tác xoá đói giảm nghèo của tỉnh Quảng Bình, xác định rõ những nguyên nhân sâu xa dẫn đến nghèo đói, những bất cập trong việc triển khai công tác xoá đói giảm nghèo, từ đó đề ra các giải pháp hữu hiệu trong công tác xoá đói giảm nghèo trong thời gian tới. Trong đó tập trung vào việc nghiên cứu xây dựng đồng bộ các giải pháp xoá đói giảm nghèo phù hợp với từng địa phương, vùng, tiểu vùng sinh thái của tỉnh, tận dụng được những tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, tiểu vùng. Cốt lõi của vấn đề là phát triển kinh tế bền vững là cơ sở để xoá đói giảm nghèo và ngược lại xoá đói giảm nghèo vừa là mục tiêu vừa là cơ sở thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển toàn diện kinh tế xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo cáo của ngân hàng Thế giới (WB) tại cuộc toạ đàm về chuẩn nghèo đói ở Việt Nam, Hà Nội, 15 – 16/2/2000.
- [2]. Báo cáo phát triển Việt Nam 2002, thực hiện cải cách để tăng trưởng và giảm nghèo nhanh hơn.
- [3]. Báo cáo về tình hình phát triển thế giới 2000/2001, tấn công đói nghèo – Ngân hàng Thế Giới, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội – 2000.
- [4]. Báo nhân dân, 12/4/2002; 14/4/2001.
- [5]. Báo Hà Nội mới, 20/11/2001.
- [6]. Báo Quảng Bình (từ tháng 1/2002 – 10/2002).
- [7]. Báo xuân Quảng Bình 2002.
- [8]. Điều tra mức sống dân cư - VLSS năm 1998 của Tổng cục Thống Kê.
- [9]. Hội thảo khoa học và thực tiễn “Những giải pháp tăng cường nguồn lực thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo – Bộ LĐ TB & XH, tạp chí Cộng sản Ngân hàng phục vụ người nghèo – Hà Nội, 9 – 1999.
- [10]. Lào Cai Báo cáo đánh giá về nghèo khổ với sự tham gia của cộng đồng, tháng 11/1999.
- [11]. Niên giám thống kê từ năm 1991 – 2001.
- [12]. Phát triển kinh tế xã hội vùng gò đồi Bắc Trung Bộ. Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội – 1996.
- [13]. Tổng quan đưa vấn đề giới vào phát triển thông qua sự bình đẳng giới về quyền hạn, nguồn lực và tiếng nói, Báo cáo nghiên cứu chính sách của ngân hàng Thế Giới, hội thảo Hà Nội, 2000.
- [14]. Toàn cầu hoá tăng trưởng và nghèo đói. Nxb VH - TT, Hà Nội – 2002.
- [15]. Thời báo Kinh Tế Việt Nam, 7/12/2001 số 147; 11/5/2001.
- [16]. Thời báo Tài Chính, 11/5/2001 số 57.
- [17]. Tạp chí con số và sự kiện số 1+2 năm 2001.
- [18]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX. Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội – 2001.
- [19]. Văn kiện Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, khoá VII, (tháng 1/1994).

- [20]. Văn bản về chiến lược tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo tạm thời (dự thảo), ngày 15/11/2000.
- [21]. Việt Nam tiếng nói của người nghèo, tổng hợp báo cáo đánh giá nghèo đói có sự tham gia của người dân, tháng 11/1999.
- [22]. Việt Nam tấn công nghèo đói, báo cáo phát triển của Việt Nam năm 2000.
- [23]. TS Lê Xuân Bá, TS Chu Tiến Quang, TS Nguyễn Hữu Tiến, TS Lê Xuân Đình, *Nghèo đói và xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam*, NXB nông nghiệp, Hà Nội – 2001.
- [24]. In du Bhushan, erik Bloom, Nguyễn Minh Thắng, Nguyễn Hải Hữu, *Vốn nhân lực của người ở Việt Nam tình hình và lựa chọn về chính sách*, Nxb LĐ - XH, Hà Nội – 2001.
- [25]. Phan Huy Đường, *Những tồn tại chủ yếu trong kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn hiện nay*, tạp chí Kinh tế & Phát triển số 62 tháng 8 – 2002, Đại học kinh tế quốc dân.
- [26]. Phan Huy Đường, *Đôi điều suy nghĩ về thị trường nông thôn*, tạp chí nông nghiệp phát triển nông thôn số 11 năm 2002.
- [27]. Nguyễn Hải Hữu, *Báo cáo tại cuộc toạ đàm về chuẩn nghèo đói ở Việt Nam*, Hà Nội, 15 – 16/2/2000.
- [28]. Nguyễn Thị Hằng và Nguyễn Văn Thiều, *Đói nghèo ở Việt Nam*, Nxb Bộ LĐTB & XH, Hà Nội: 1993.
- [29]. Va Li Jamal - Đại diện của tổ chức lao động quốc tế, *Báo cáo tại cuộc toạ đàm về chuẩn nghèo đói ở Việt Nam*, Hà Nội, 15 – 16/2/2000.
- [30]. Phạm Văn Khiên, *Những biện pháp huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả nguồn vốn của hộ nông dân các tỉnh phía Bắc*, Viện kinh tế Nông nghiệp, 1999.
- [31]. Phạm Ngọc Kiểm, *Đầu tư chống đói nghèo, giải pháp quan trọng để tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững*, tạp chí Kinh tế số 62, tháng 8/2002, Đại học kinh tế quốc dân.

- [32]. Judi L.Baker, *Đánh giá tác động của các dự án phát triển tới đói nghèo*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội – 2002.
- [33]. Hà Quế Lâm, *Xoá đói giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay – thực trạng và giải pháp*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội – 2002.
- [34]. Trần Đình Lý, *Báo cáo chuyên đề cơ sở khoa học xây dựng mô hình phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp vùng gò đồi 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế*.
- [35]. Trần Đình Lý, Đào Hữu Trọng, Đỗ Hữu Thư, *Nghiên cứu cải tạo, sử dụng hợp lý hệ sinh thái vùng gò đồi Bình Trị Thiên, kỹ yếu hội thảo, Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường vùng Bình Trị Thiên*, Nxb Nông nghiệp, Hà nội, 1996.
- [36]. Nguyễn Phong, TCTK, *Báo cáo tại cuộc tọa đàm về chuẩn nghèo đói ở Việt Nam*, Hà Nội, 15 – 16/2/2000.